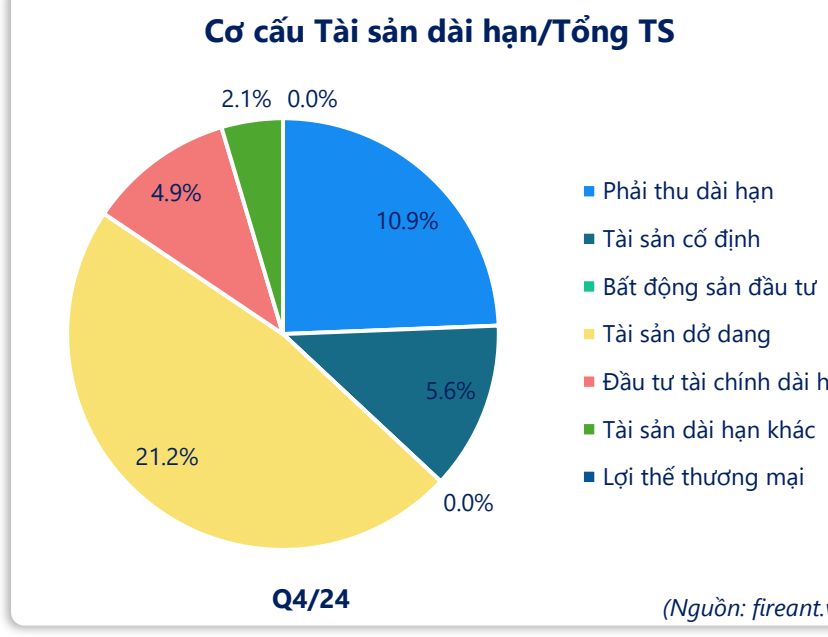
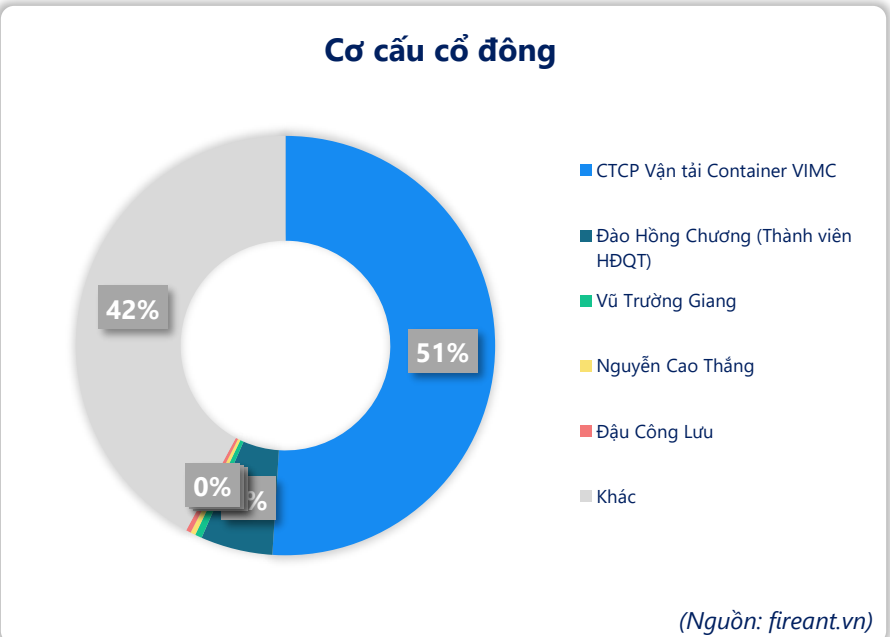
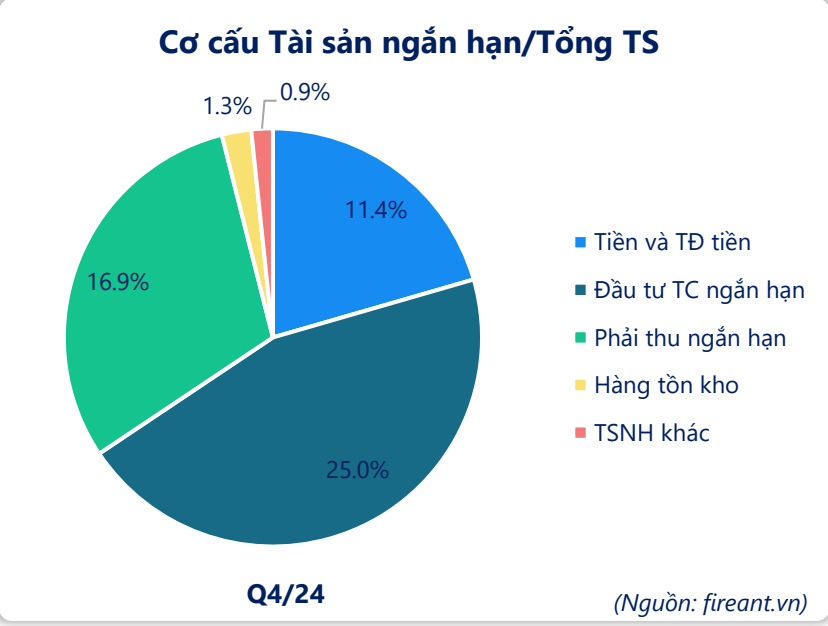
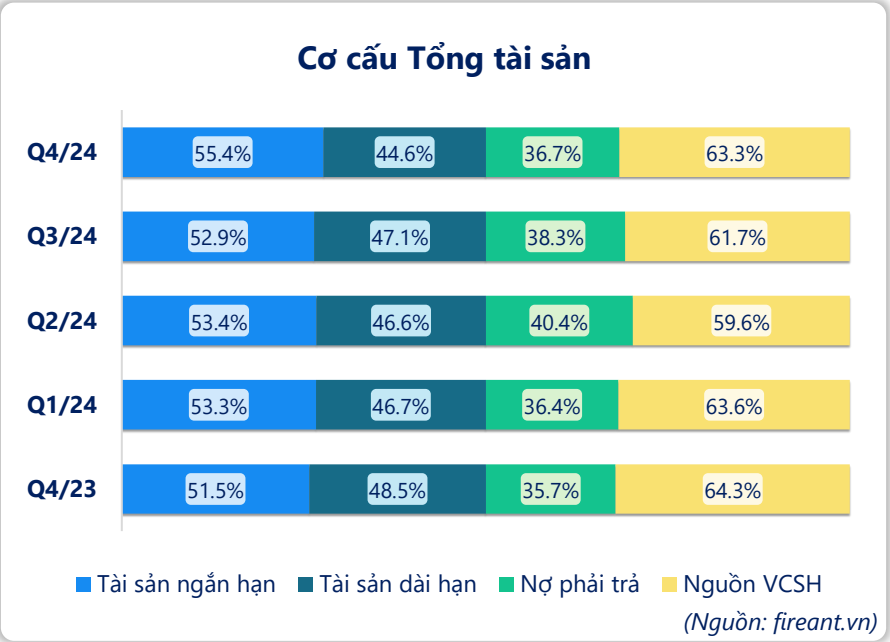
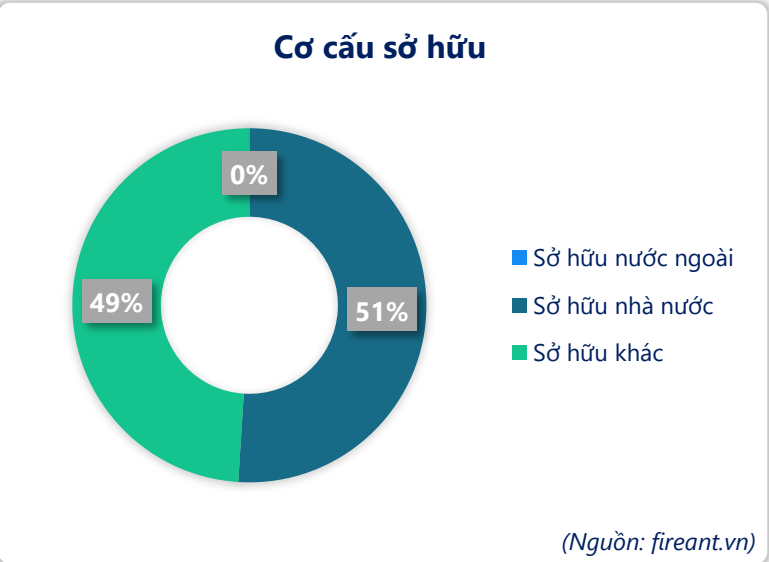
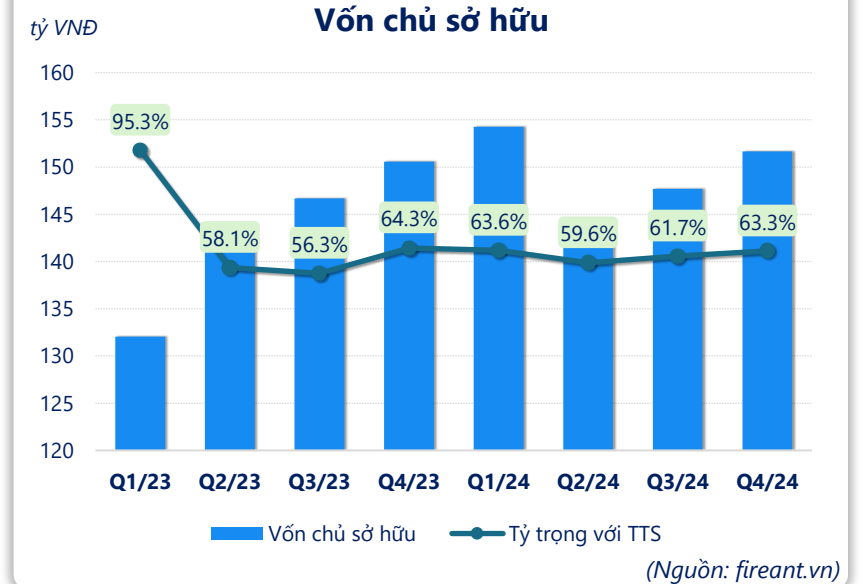
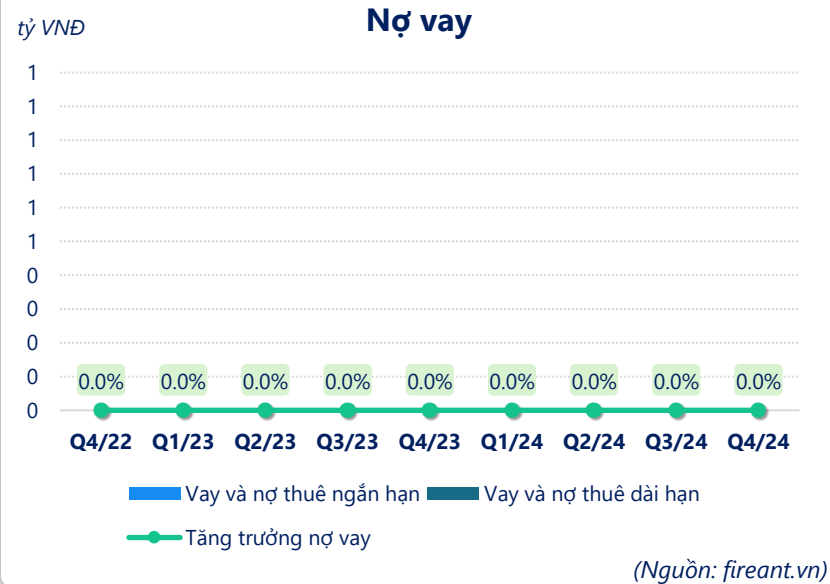
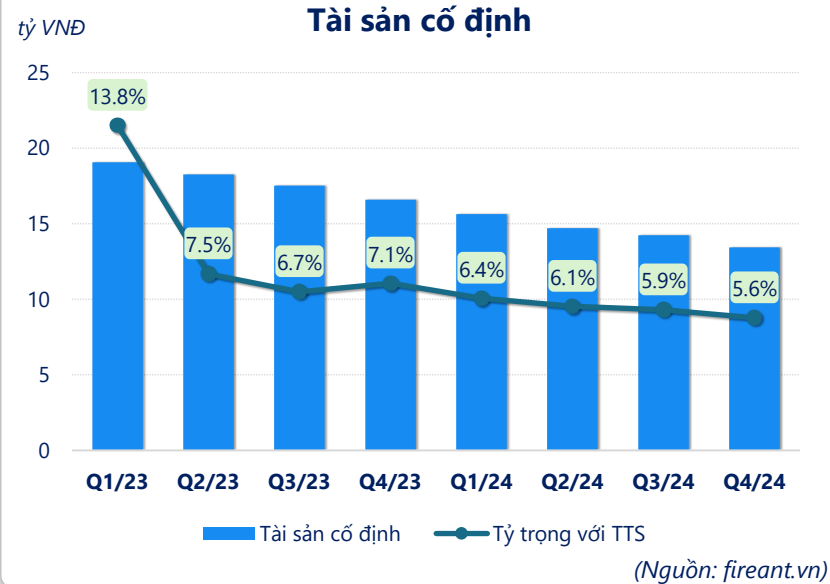
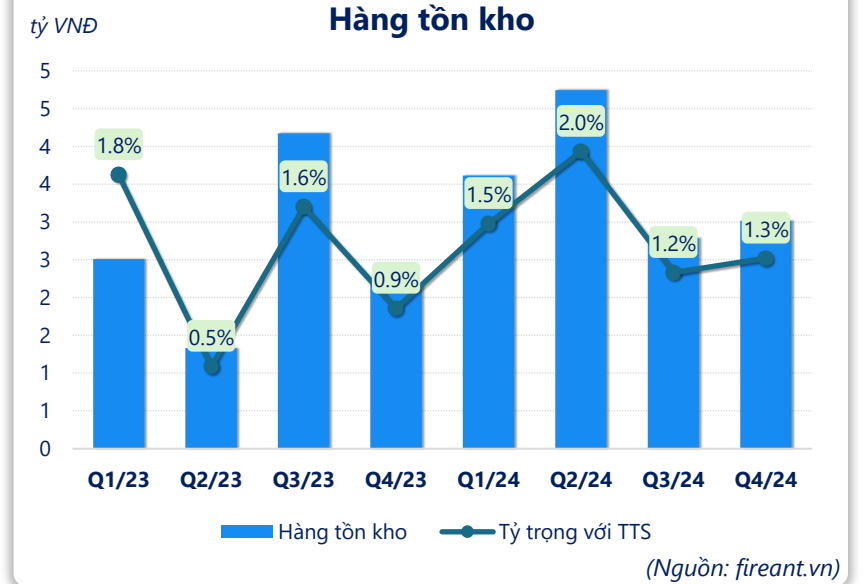
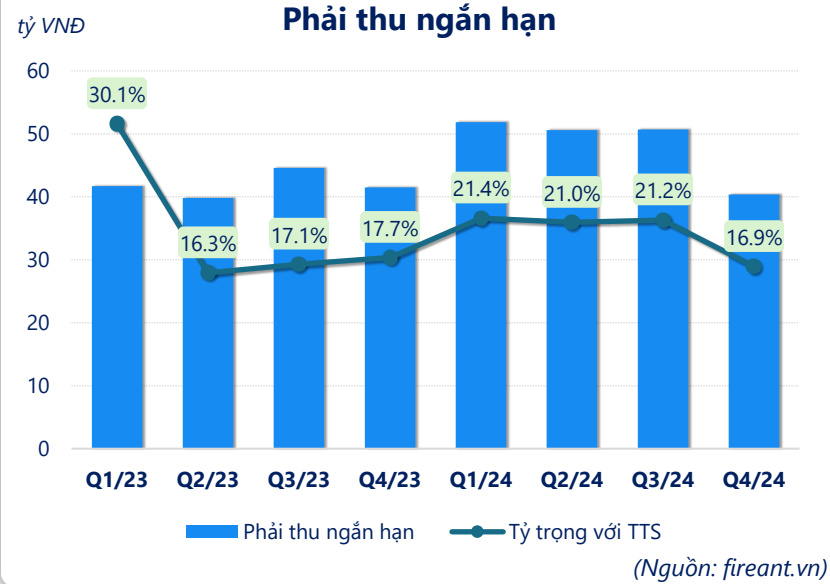
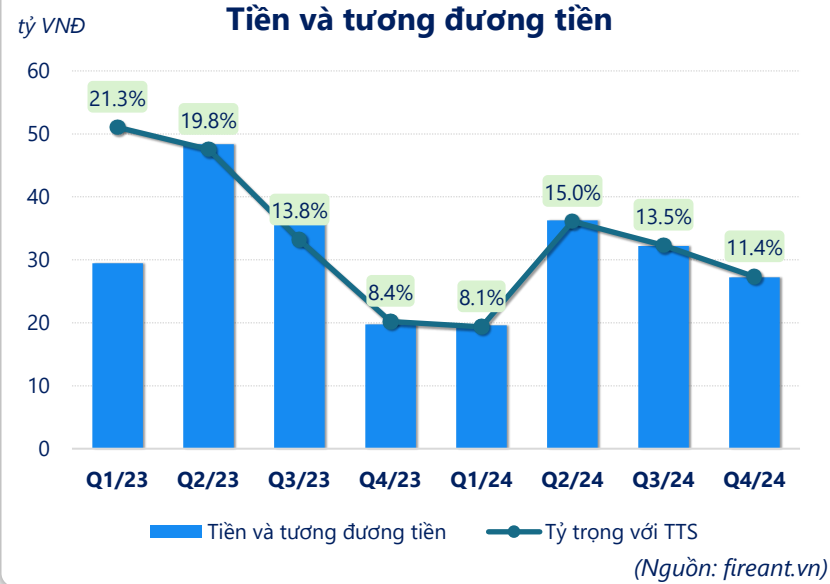
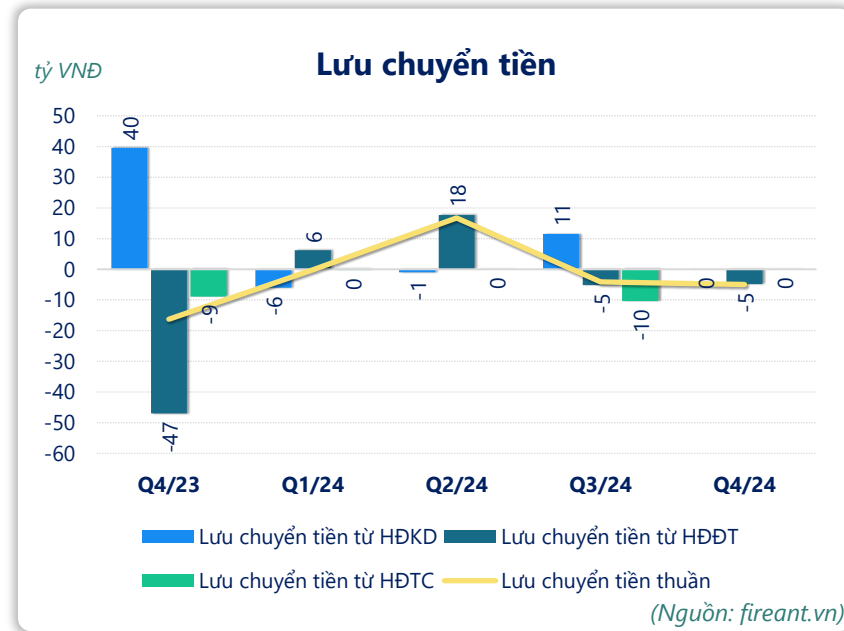
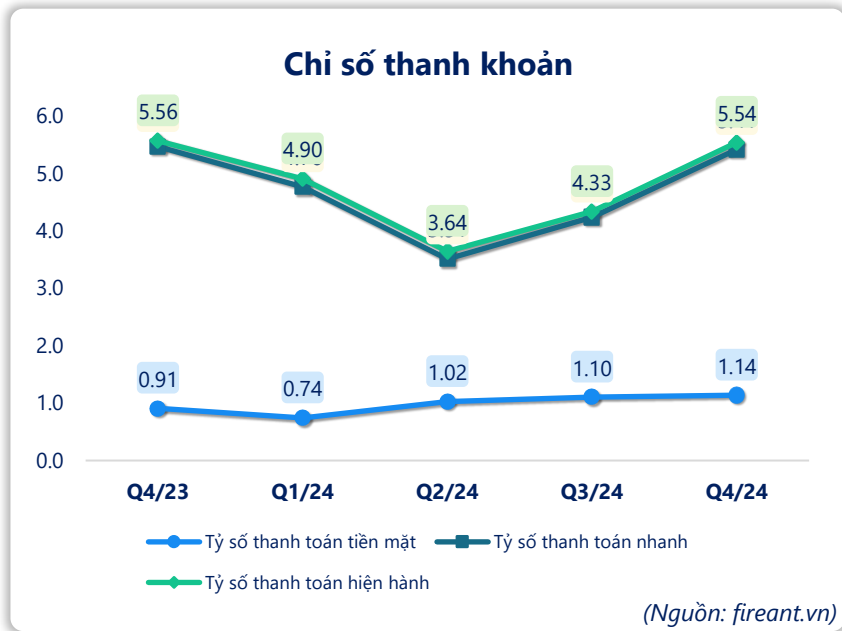
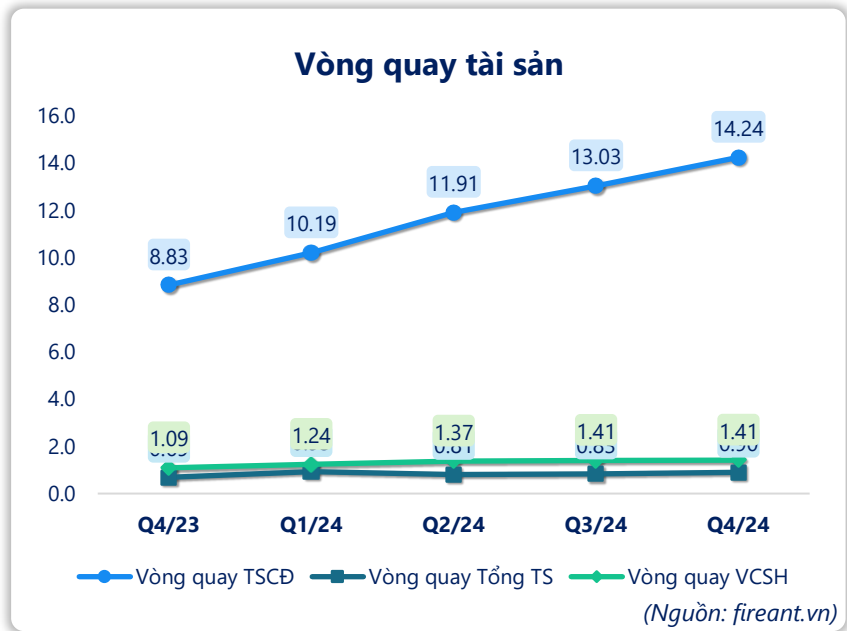
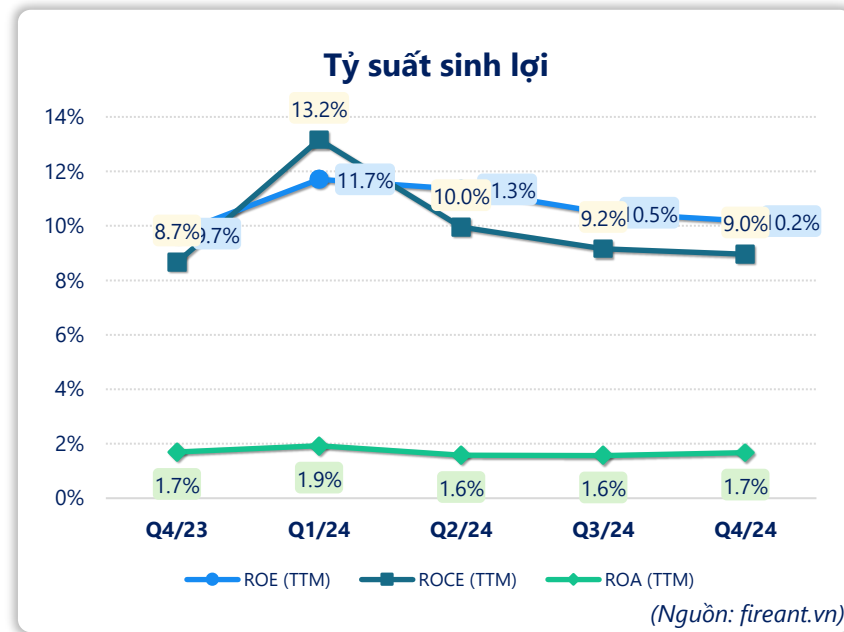
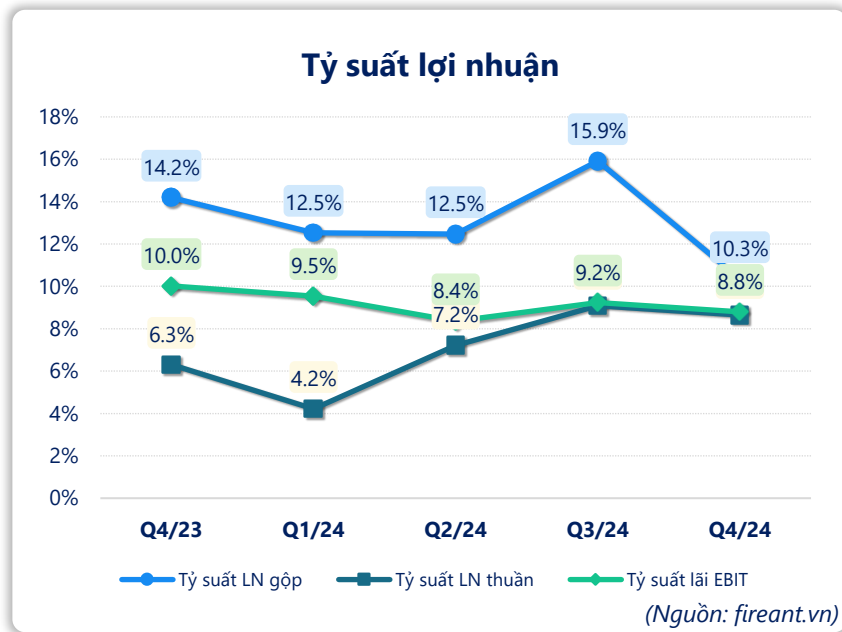
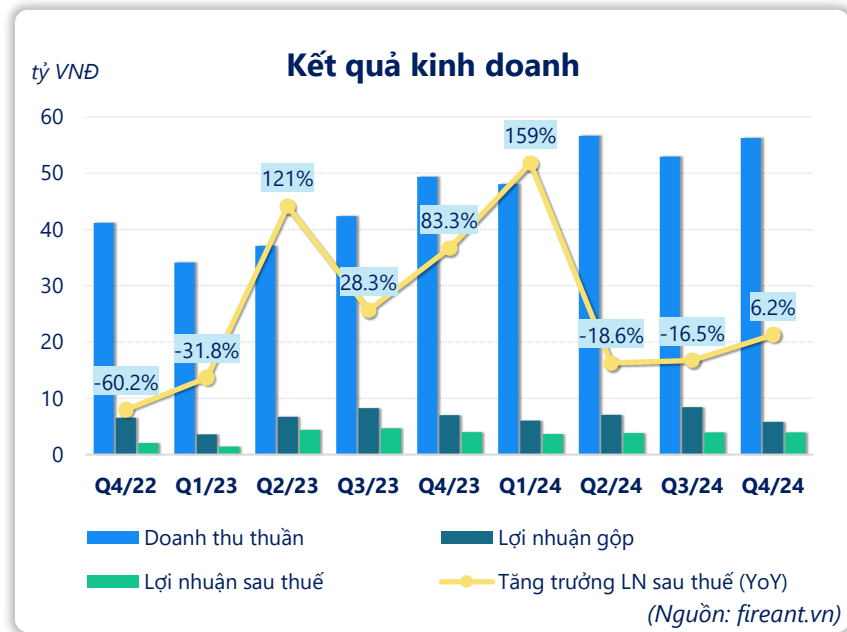


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		23,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		35,799
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,700
SL cổ phiếu LH		8,999,998
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,555
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		213
P/E		13.9
EPS		1,708

	YTD	1T	3T	6T
VMS		11.3%	-0.4%	-0.4%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	239	234	2.2%
Tài sản ngắn hạn	133	121	9.8%
Tiền và tương đương tiền	27.2	19.7	38.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	59.8	54.1	10.6%
Phải thu ngắn hạn	40.4	41.4	-2.5%
Hàng tồn kho	3.02	2.17	38.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.20	3.39	-35.0%
Tài sản dài hạn	107	114	-5.9%
Phải thu dài hạn	26.0	25.3	2.7%
Tài sản cố định	13.4	16.6	-18.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	50.7	50.2	1.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.7	17.1	-31.6%
Tài sản dài hạn khác	4.91	4.30	14.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	87.8	83.7	4.9%
Nợ ngắn hạn	24.0	21.9	9.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.72	7.44	3.9%
Nợ dài hạn	63.9	61.8	3.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	152	151	0.7%
Vốn chủ sở hữu	152	151	0.7%
Vốn điều lệ	90.0	90.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	49.3	48.1	56.6	52.9	56.2
Giá vốn hàng bán	42.3	42.0	49.6	44.5	50.4
Lợi nhuận gộp	7.00	6.03	7.06	8.42	5.82
Doanh thu HĐTC	1.12	0.63	0.75	0.48	6.82
Chi phí TC	0.05	0.08	-0.05	0.02	0.14
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.01	0.56	0.02	0.08	0.12
Chi phí QLDN	4.95	3.98	3.76	3.99	7.51
LN thuần từ HĐKD	3.11	2.03	4.08	4.81	4.86
Lợi nhuận khác	1.83	2.56	0.65	0.08	0.08
LN trước thuế	4.94	4.59	4.73	4.89	4.95
Lợi nhuận sau thuế	4.01	3.67	3.84	3.91	3.95
LNST của CĐ cty mẹ	4.01	3.67	3.84	3.91	3.95

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	39.6	-6.05	-0.99	11.5	-0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-46.9	6.19	17.7	-5.15	-4.82
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.93	-0.28	0.00	-10.4	-0.05
Tiền đầu kỳ	36.0	19.7	19.6	36.3	32.2
Lưu chuyển tiền thuần	-16.3	-0.14	16.7	-4.07	-4.91
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0	0	0	-0.07
Tiền cuối kỳ	19.7	19.6	36.3	32.2	27.2

(Nguồn: fireant.vn)